

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2024 “Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Ngày 05/4/2006, bà L và ông Đặng Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B. Về con chung: Bà L và ông B có hai con chung là Đặng Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2007 và Đặng Thành K, sinh ngày 14/5/2013. Bà L yêu cầu được nuôi cháu Đặng Thành K và giao cháu Đặng Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2007 cho ông B nuôi dưỡng.

* Bị đơn ông Đặng Văn B trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông B và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như bà L trình bày. Quá

trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hiểu tính và không thông cảm cho nhau. Tuy nhiên, đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ và ông mong muốn vợ chồng có thêm thời gian đoàn tụ để nuôi con. Về con chung: Ông B và bà L có hai con chung là Đặng Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2007 và Đặng Thành K, sinh ngày 14/5/2013, ông B không có ý kiến gì về việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn B, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn ông Đặng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Đặng Văn B có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông B đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B. Tổ dân phố 1 và Ủy ban nhân dân phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của bà L và ông B. Ông B không đồng ý ly hôn với bà L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông B. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông B không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà L vẫn cương quyết ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B.

[3] Về con chung: Bà L và ông B có hai con chung là Đặng Lê Quang H, sinh ngày 21/7/2007 và Đặng Thành K, sinh ngày 14/5/2013. Bà L có nguyện vọng nuôi cháu Đặng Thành K và giao cho ông B nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Quang H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông B có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Cháu H có nguyện vọng được ông B nuôi dưỡng, cháu K có nguyện vọng được bà L nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cho ông B nuôi dưỡng cháu H, giao cho bà L nuôi dưỡng cháu K. Bà L và ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **L** và ông **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông **B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Mỹ L**.

- *Về hôn nhân:* Bà **Lê Thị Mỹ L** được ly hôn với ông **Đặng Văn B**.

- *Về nuôi con chung:* Giao cho bà **Lê Thị Mỹ L** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đặng Thành K**, sinh ngày 14/5/2013, giao cho ông **Đặng Văn B** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đặng Lê Quang H**, sinh ngày 21/7/2007, khi các cháu **H** và **K** chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Bà **Lê Thị Mỹ L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0013096 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; bà **L** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (20/8/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã Song An, TX. A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông